

## BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GỐC

# Khảo sát nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành Phố Hồ Chí Minh trong năm học 2024 – 2025

Nguyễn Phú Nhất<sup>1</sup>, Thạch Đăng Minh Uyên<sup>1</sup>, Nguyễn Đông Phương Nhu<sup>1</sup>, Nguyễn Anh Thuỳ Dương<sup>1</sup>, Lê Duy Anh<sup>1</sup>, Trần Quang Huy<sup>1</sup>, Triệu Hoàng Kim Ngân<sup>2</sup>, Hoàng Ngọc Ánh<sup>3</sup>, Huỳnh Quang Đại<sup>1,2</sup>, Nguyễn Ngọc Tú<sup>1,2\*</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Khảo sát nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu và đặc điểm của học sinh Trung học phổ thông (THPT) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) trong năm học 2024 – 2025.

**Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang trên 2112 học sinh đang theo học tại 21 trường tại TP.HCM, chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Dữ liệu thu thập bằng phiếu khảo sát trên giấy, bao gồm các thông tin về nhân khẩu học, các biến số về nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu.

**Kết quả:** Trong 1988 học sinh tham gia, 95,62% có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu. Ba nội dung được quan tâm nhiều nhất là cấp cứu đột quỵ (54,78%), ngưng tim ngưng thở (44,72%) và đuối nước (33,2%). 68,26% học sinh muốn được đào tạo định kỳ 6 tháng/lần. Nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu có liên quan có ý nghĩa thống kê với học lực, từng tham gia các lớp học kỹ năng mềm, từng chứng kiến hoặc từng tham gia sơ cấp cứu trên thực tế ( $p < 0,05$ ), không liên quan đến hạnh kiểm hoặc từng tham gia lớp học sơ cấp cứu ( $p > 0,05$ ).

**Kết luận:** Học sinh THPT tại TP.HCM có nhu cầu đào tạo rất cao về sơ cấp cứu. Đây là cơ sở ban đầu cho việc đề xuất xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo sơ cấp cứu phù hợp.

**Từ khoá:** Nhu cầu đào tạo, sơ cấp cứu, học sinh trung học phổ thông.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Sơ cấp cứu là hỗ trợ tức thời cho nạn nhân tại hiện trường nhằm bảo vệ tính mạng, giảm thiểu các biến chứng trong khi đợi các điều trị chuyên sâu (1). Theo WHO, mỗi năm có hơn 900.000 trẻ em và vị thành niên dưới 18 tuổi tử vong do thương tích, chủ yếu tại các quốc gia thu nhập thấp và trung bình (2). Tại Việt Nam, mỗi năm trung bình có hơn 370.000 trẻ bị tai nạn thương tích trong đó nhóm 15 – 19 tuổi chiếm 43% (3). Đặc biệt tại TP.HCM tình trạng chấn thương ở học sinh THPT vẫn ở

mức đáng báo động. Tác giả Mai Thị Huệ và cộng sự đã khảo sát trên 413 nạn nhân tại Thái Bình và cho thấy chưa đến 50% nạn nhân tai nạn giao thông được sơ cứu (4). Theo nghiên cứu của tác giả Marcus và cộng sự trên 150 học sinh trung học cơ sở tại Việt Nam cho thấy có 93,2% học sinh có nhu cầu tham gia các khoá học đào tạo hồi sức tim phổi (2). Có thể thấy học sinh THPT với độ tuổi phát triển và khả năng tiếp thu tốt, là nhóm đối tượng lý tưởng để triển khai các chương trình đào tạo này. Tuy nhiên hiện nay, việc đào tạo sơ cấp cứu cho học sinh THPT chưa được thực hiện



**Địa chỉ liên hệ:** Nguyễn Ngọc Tú

Email: ngoctu@ump.edu.vn

<sup>1</sup>Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Bệnh viện Chợ Rẫy

<sup>3</sup>Trường Đại học Y tế công cộng

Ngày nhận bài: 12/4/2025

Ngày phản biện: 19/6/2025

Ngày đăng bài: 30/10/2025

Mã DOI: <https://doi.org/10.38148/JHDS.0905SKPT25-053>

một cách rộng rãi và bài bản, đặc biệt là các trường THPT tại TP.HCM.

Chính vì lý do trên, nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu của học sinh THPT tại TP.HCM trong năm học 2024 - 2025, từ đó định hướng xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang.

**Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Tại TP.HCM vào thời điểm nghiên cứu (từ tháng 10/2024 đến tháng 02/2025).

**Đối tượng nghiên cứu:** Học sinh lớp 10 đến lớp 12 đang học tại các trường THPT tại TP.HCM.

**Tiêu chí lựa chọn:** Tất cả học sinh đang theo học tại một lớp được chọn ở mỗi khối, ở các trường được chọn, đồng ý tham gia nghiên cứu và thực hiện bộ câu hỏi nghiên cứu.

**Tiêu chí loại trừ:** Học sinh không đồng ý tham gia nghiên cứu, học sinh không hoàn thành 100% câu hỏi nghiên cứu.

**Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:**

Cỡ mẫu được xác định theo nghiên cứu của nhóm nghiên cứu “Khảo sát kiến thức, thái độ và nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu của học sinh THPT trên địa bàn TP.HCM”, cụ thể như sau:

$$n = Z^2_{(1 - \alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

n: cỡ mẫu tối thiểu cho mỗi nhóm;  $\alpha$ : sai lầm loại 1 ( $\alpha = 0,05$ ). Từ đó suy ra  $Z_{(1 - \alpha/2)}$  (hệ số tin cậy) = 1,96;  $p = 0,69$  là tỷ lệ ước tính. Theo Prashan Alahakoon và cộng sự, tỉ lệ học sinh từ lớp 10 đến lớp 12 tại Sri Lanka có kiến thức về sơ cấp cứu là 69% ( $n=349$ ) (6). Chúng tôi chọn nghiên cứu này để tham khảo bởi có sự tương đồng về thiết kế nghiên cứu, tiêu chuẩn lựa chọn và tiêu chuẩn loại trừ đối tượng nghiên cứu; d:

mức sai số tuyệt đối chấp nhận;  $d = 0,05$ . Từ công thức trên, ta tính được cỡ mẫu tối thiểu cần thiết cho nhóm học sinh là 329 mẫu.

Tuy nhiên, nghiên cứu áp dụng thiết kế trên học sinh thuộc các đặc điểm khác nhau, mẫu phân tầng theo khu vực tuyển sinh (KV2, KV3) và loại hình trường (công lập, ngoài công lập). Do sự khác biệt giữa các nhóm, vì vậy áp dụng hệ số thiết kế lên cỡ mẫu. Dự đoán khác biệt học sinh giữa các khu vực sẽ lớn hơn khác biệt các loại hình trường nên hệ số 3 cho khu vực, hệ số 2 cho loại hình trường. Từ đó cỡ mẫu điều chỉnh là  $329 \times 3 \times 2 = 1974$  mẫu.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Tổng số 217 trường THPT tại TP.HCM được chia thành 4 nhóm dựa trên khu vực tuyển sinh theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 06/2025/TT-BGDĐT) (5) và theo nhóm cơ quan quản lý (trường công lập hay ngoài công lập), cụ thể: nhóm A (trường công lập ở khu vực 3), nhóm B (trường công lập ở khu vực 2), nhóm C (trường ngoài công lập ở khu vực 3), nhóm D (trường công lập ở khu vực 2). Có 21 trường được chọn vào nghiên cứu, đảm bảo tỉ lệ theo các nhóm, bằng công cụ RAND trong Microsoft Excel. Ở mỗi khối lớp, có 1 lớp được chọn ngẫu nhiên vào nghiên cứu bằng công cụ RAND trong Microsoft Excel.

**Biến số/chỉ số/ nội dung/chủ đề nghiên cứu**

- Các đặc điểm về tuổi, giới tính, học lực, hạnh kiểm, kinh nghiệm tham gia lớp kỹ năng mềm và tình huống sơ cấp cứu trên thực tế.

- Các biến số về nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu: mức độ hứng thú, nhu cầu đào tạo, nội dung và phương pháp đào tạo mong muốn, tần suất đào tạo, khó khăn khi tiếp cận và các yếu tố cản trở.

**Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập**

**số liệu:** Học sinh điền phiếu khảo sát trên giấy trong 30 phút, được thu lại trực tiếp bởi nghiên cứu viên. Dữ liệu được mã hoá và lưu trên Microsoft Excel. Bộ câu hỏi được

xây dựng tham khảo trên bộ câu hỏi của tác giả Alahakoon và cộng sự năm 2022 (6) và nghiên cứu của tác giả Phạm Anh Thư năm 2021 (7), có điều chỉnh phù hợp với đặc điểm xã hội thực tế của học sinh THPT tại TP.HCM. Bộ câu hỏi sau đó được kiểm định bởi các chuyên gia của Bộ môn Hồi sức Cấp cứu - Chống độc, Khoa Y - Đại học Y Dược TP.HCM qua 2 pha:

+ Pha 1: 2 chuyên gia thảo luận, phỏng vấn sâu nhóm nghiên cứu để góp ý soạn thảo và điều chỉnh để hoàn thiện bản thảo 1.

+ Pha 2: gửi bản thảo 1 đến 2 chuyên gia khác của bộ môn, chấm điểm phù hợp về nội dung và hình thức cho từng câu hỏi để đưa ra bảng câu hỏi chính thức.

**Xử lý và phân tích số liệu:** Dữ liệu thu thập bằng phiếu giấy được làm sạch và lưu trữ bằng Microsoft Excel và phân tích dữ kiện bằng R Studio. Thống kê mô tả được trình bày dưới

dạng tần số, tỉ lệ phần trăm, trung bình và độ lệch chuẩn. Mối liên quan giữa biến phân loại được kiểm định bằng Chi-square và Fisher, với có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ .

**Đạo đức trong nghiên cứu:** Đề cương nghiên cứu đã được chấp thuận về mặt y đức từ Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học tại Đại học Y Dược TP.HCM (Phê duyệt số: 2858/DHYD-HDDD ngày 10 tháng 10 năm 2024). Tất cả những người tham gia đều có sự đồng ý bằng văn bản và nghiên cứu tuân theo các tiêu chuẩn đạo đức của Tuyên bố Helsinki.

## KẾT QUẢ

Trong thời gian nghiên cứu có 2112 học sinh của 21 trường THPT trên địa bàn TP.HCM tham gia khảo sát, trong đó 1988 thoả tiêu chí đưa vào nghiên cứu.

### Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu

**Bảng 1. Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu**

	Đặc điểm	n	%
Giới tính	Nam	992	49,90
	Nữ	996	50,10
Cơ quan quản lý	Công lập	1141	57,39
	Ngoài công lập	847	42,61
Khu vực tuyển sinh	Khu vực 2	374	18,81
	Khu vực 3	1614	81,19
Nhóm trường	Nhóm A	839	42,20
	Nhóm B	302	15,19
	Nhóm C	772	38,83
	Nhóm D	75	3,77
Năm học	Lớp 10	686	34,51
	Lớp 11	691	34,76
	Lớp 12	611	30,73
Học lực năm học gần nhất	Tốt	1321	66,45
	Khá	558	28,07
	Đạt	105	5,28
	Không đạt	4	0,20

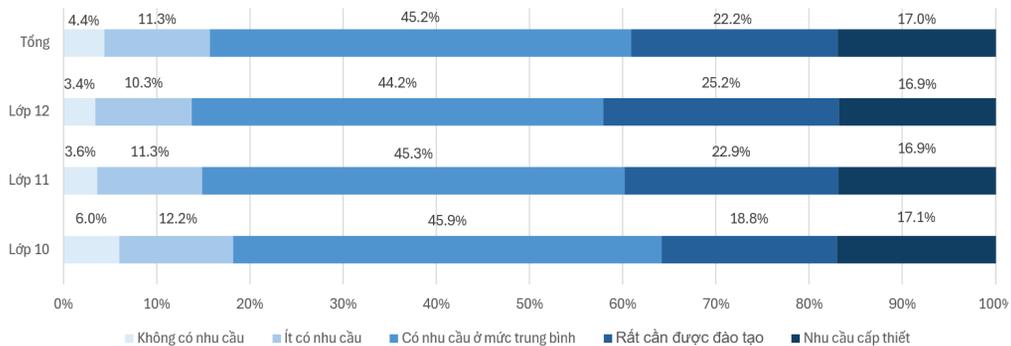
Đặc điểm	n	%	
<b>Hạnh kiểm năm học gần nhất</b>	Tốt	1838	92,45
	Khá	123	6,19
	Đạt	27	1,36
	Không đạt	0	0,0
<b>Tham gia các lớp kỹ năng mềm</b>	Đã từng	1113	55,99
	Chưa từng	875	44,01
<b>Tham gia các lớp đào tạo sơ cấp cứu</b>	Đã từng	781	39,29
	Chưa từng	1207	60,71
<b>Chứng kiến các tình huống cấp cứu trong thực tế</b>	Đã từng	866	43,56
	Chưa từng	1122	56,44
<b>Tham gia sơ cấp cứu trên thực tế</b>	Đã từng	297	14,94
	Chưa từng	1691	85,06

Trong tổng số 1988 học sinh, tỉ lệ nam và nữ lần lượt là 49,9% và 50,1%. Học sinh thuộc trường công lập chiếm 57,39%, còn lại là ngoài công lập. Đa số học sinh đến từ khu vực tuyển sinh 3 (81,19%), học sinh lớp 11 có số lượng tham gia cao nhất (34,76%). Hơn một nửa học sinh có học lực Tốt (66,54%), chỉ 0,2% xếp loại Không đạt. Gần 56% học sinh từng học các lớp kỹ năng mềm, tuy nhiên chỉ 39,29% từng tham gia các lớp sơ cấp cứu và 14,94% từng tham gia tình huống sơ cấp cứu trên thực tế, dù có tới 43,56%

từng chứng kiến tình huống sơ cấp cứu.

### Nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu

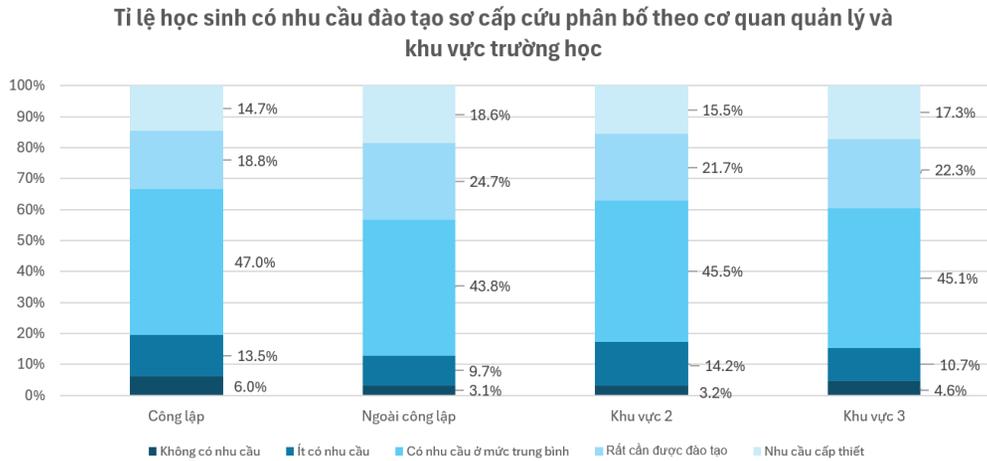
Kết quả cho thấy 86,01% học sinh hứng thú với sơ cấp cứu ở các mức độ, trong đó 44,92% quan tâm, 21,93% rất quan tâm và 10,16% ưu tiên quan tâm; chỉ có 3,47% không quan tâm. Về nhu cầu đào tạo sơ, 84,3% học sinh có nhu cầu từ trung bình trở lên, bao gồm 45,17% trung bình, 22,18% rất cần và 16,95% cấp thiết; trong khi đó, 11,32% có ít nhu cầu và 4,38% không có nhu cầu.



**Biểu đồ 1. Tỉ lệ học sinh có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu phân bố theo lớp**

Kết quả cho thấy hơn 80% học sinh ở cả ba khối lớp có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu từ mức trung bình trở lên, trong đó khoảng 44% đến 46% đánh giá ở mức trung bình. Lớp 10

có tỉ lệ học sinh không hoặc ít có nhu cầu cao hơn 2 khối còn lại (6,9% và 12,2%), nhưng cũng có tỉ lệ nhu cầu cấp thiết đạt 17,1% cao nhất trong 3 lớp.



**Biểu đồ 2. Tỉ lệ học sinh có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu phân bố theo cơ quan quản lý và khu vực tuyển sinh**

Kết quả cho thấy sự khác biệt giữa các nhóm học sinh. Tại trường công lập, đa số đánh giá nhu cầu ở mức trung bình (47,0%), trong khi tỷ lệ đánh giá “rất cần” và “cấp thiết” chỉ chiếm 13,5% và 6,0%. Ở trường ngoài công

lập, tỷ lệ này còn thấp hơn (9,7% và 3,1%).

Về khu vực tuyển sinh, tỷ lệ nhu cầu trung bình giữa khu vực 2 và 3 gần tương đương (~45%), nhưng khu vực 3 có tỷ lệ học sinh đánh giá nhu cầu cấp thiết cao hơn (4,6% so với 3,2%).

**Bảng 2. Nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu của học sinh theo nội dung, hình thức và tần suất**

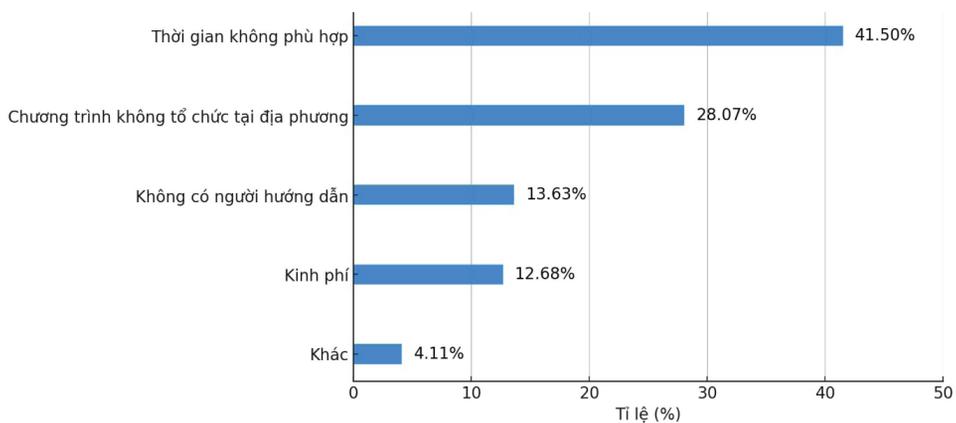
Nội dung đào tạo cần thiết	Tỉ lệ (%)
Cấp cứu đột quỵ	54,78
Cấp cứu ngưng tim - ngưng thở	44,75
Cấp cứu đuối nước	33,20
Cấp cứu dị vật đường thở	29,83
Cấp cứu gãy xương	24,14
Cấp cứu điện giật	22,74
Cấp cứu bỏng	21,18
Cấp cứu vết thương do động vật/côn trùng	18,51
Cấp cứu tổn thương phần mềm - mạch máu	15,44
Cấp cứu hen	10,06
Khác	6,84
Không có nhu cầu tập trung vào nội dung nào	18,31
Hình thức tổ chức mong muốn	Tỉ lệ (%)
Tổ chức diễn tập ngoại khóa	62,71
Đưa vào môn học chính khóa	24,90
Cung cấp tài liệu tự học	6,19
Mở lớp học trực tuyến	5,84
Khác	0,91

Tần suất đào tạo mong muốn	Tỉ lệ (%)
Mỗi 6 tháng	68,26
Mỗi 1 năm	18,71
Một lần duy nhất	8,40
Mỗi 2 năm	4,63

Ba nội dung học sinh có nhu cầu đào tạo cao nhất là cấp cứu đột quỵ (54,78%), cấp cứu ngưng tim ngưng thở (44,72%) và cấp cứu đuối nước (33,2%). Đa số học sinh muốn được tổ chức đào tạo dưới hình thức diễn tập

ngoại khoá (62,71%), rất ít học sinh muốn được tổ chức với hình thức lớp học trực tuyến (5,84%). Về tần suất, học sinh mong muốn các chương trình đào tạo được tổ chức mỗi 6 tháng một lần (68,26%).

### Rào cản tham gia các lớp đào tạo sơ cấp cứu



**Biểu đồ 3. Tỉ lệ các rào cản của học sinh khi tiếp cận các chương trình đào tạo**

Nghiên cứu cho thấy phần lớn học sinh gặp khó khăn khi tiếp cận đào tạo sơ cấp cứu, trong đó 20,77% gặp nhiều khó khăn, 7,49% rất khó tiếp cận và 4,88% hoàn toàn không tiếp cận được. Rào cản

chính bao gồm thời gian không phù hợp (41,50%), không có chương trình tổ chức tại địa phương (28,07%), thiếu người hướng dẫn (13,63%), chi phí đào tạo (12,68%), và các yếu tố khác (4,11%).

**Bảng 3. Các yếu tố liên quan đến nhu cầu đào tạo của học sinh THPT tại TP.HCM**

Đặc điểm	Nhu cầu					Giá trị p
	Không có nhu cầu (n=87)	Ít có nhu cầu (n=225)	Có nhu cầu ở mức trung bình (n=898)	Rất cần được đào tạo (n=441)	Nhu cầu cấp thiết (n=337)	
<b>Học lực</b>						
Tốt	40 (46,0%)	125 (55,6%)	610 (67,9%)	313 (71,0%)	233 (69,1%)	0,0005
Khá	35 (40,2%)	83 (36,9%)	240 (26,7%)	112 (25,4%)	88 (26,1%)	
Đạt	12 (13,8%)	17 (7,6%)	45 (5,0%)	16 (3,6%)	15 (4,5%)	
Không đạt	0 (0,0%)	0 (0,0%)	3 (0,3%)	0 (0,0%)	1 (0,3%)	

Đặc điểm	Nhu cầu					Giá trị p
	Không có nhu cầu (n=87)	Ít có nhu cầu (n=225)	Có nhu cầu ở mức trung bình (n=898)	Rất cần được đào tạo (n=441)	Nhu cầu cấp thiết (n=337)	
<b>Hạnh kiểm</b>						
Tốt	75 (86,2%)	203 (90,2%)	832 (92,7%)	411 (93,2%)	317 (94,1%)	0,082
Khá	7 (8,0%)	19 (8,4%)	55 (6,1%)	24 (5,4%)	18 (5,3%)	
Đạt	5 (5,7%)	3 (1,3%)	11 (1,2%)	6 (1,4%)	2 (0,6%)	
Không đạt	0 (0,0%)	0 (0,0%)	0 (0,0%)	0 (0,0%)	0 (0,0%)	
<b>Tham gia các lớp đào tạo kỹ năng mềm</b>						
Đã từng	39 (44,8%)	109 (48,4%)	500 (55,7%)	270 (61,2%)	195 (57,9%)	0,0005
Chưa từng	48 (55,2%)	116 (51,6%)	398 (44,3%)	171 (38,8%)	142 (42,1%)	
<b>Tham gia các lớp đào tạo sơ cấp cứu</b>						
Đã từng	27 (31,0%)	85 (37,8%)	346 (38,5%)	192 (43,5%)	131 (38,9%)	0,179
Chưa từng	60 (69,0%)	140 (62,2%)	552 (61,5%)	249 (56,5%)	206 (61,1%)	
<b>Chứng kiến các tình huống cấp cứu trong thực tế</b>						
Đã từng	25 (28,7%)	94 (41,8%)	385 (42,9%)	195 (44,2%)	167 (49,6%)	0,010
Chưa từng	62 (71,3%)	131 (58,2%)	513 (57,1%)	246 (55,8%)	170 (50,4%)	
<b>Tham gia sơ cấp cứu trên thực tế</b>						
Đã từng	10 (11,5%)	33 (14,7%)	119 (13,3%)	62 (14,1%)	73 (21,7%)	0,005
Chưa từng	77 (88,5%)	192 (85,3%)	779 (86,7%)	379 (85,9%)	264 (78,3%)	

Số liệu được thể hiện bằng n (%)

Kiểm định Chi-square được sử dụng để so sánh tỉ lệ giữa các nhóm. Giá trị  $p < 0,05$  được xem là có ý nghĩa thống kê

Học sinh có học lực tốt có nhu cầu cao hơn (rất cần: 71%, cấp thiết: 69,1%;  $p=0,0005$ ). Việc từng tham gia các lớp đào tạo kỹ năng mềm cũng liên quan rõ rệt đến nhu cầu đào tạo (rất cần: 61,2%, cấp thiết: 57,9%;  $p = 0,0005$ ). Tương tự, nhóm học sinh từng chứng kiến các tình huống sơ cấp cứu trong thực tế có nhu cầu cao hơn (rất cần: 44,2%, cấp thiết: 49,6%;  $p = 0,01$ ). Đặc biệt, học sinh đã từng tham gia sơ cấp cứu trên thực tế có nhu cầu đào tạo cấp thiết cao nhất 21,7% ( $p = 0,005$ ). Ngược lại, hạnh kiểm và việc từng tham gia lớp đào tạo sơ cấp cứu không có khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ).

Nghiên cứu cho thấy 95,62% học sinh có nhu cầu được đào tạo kỹ năng sơ cấp cứu, một con số rất cao, tương đồng với nghiên cứu của Sharma và cộng sự (2025) tại Nepal dù học sinh còn gặp nhiều rào cản trong việc tiếp cận do thiếu giáo viên và thiếu chương trình giảng dạy chính thống (8). Về các năm học, cả ba khối lớp đều có tỷ lệ học sinh có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu từ mức trung bình trở lên chiếm hơn 80%, tỉ lệ nhu cầu cấp thiết cao nhất ghi nhận ở học sinh lớp 10 (17,1%), trong khi nhóm không hoặc ít có nhu cầu cũng cao hơn hai khối còn lại (6,9% và 12,2%). Về cơ quan quản lý, trường công lập ghi nhận tỉ lệ học sinh đánh giá nhu cầu ở mức trung bình cao (47,0%) và có sự chênh lệch rõ so với trường ngoài công lập. Khu vực 3 có tỷ lệ đánh giá nhu cầu cấp thiết cao hơn

## BÀN LUẬN

khu vực 2 (4,6% so với 3,2%). Xét về học lực, học sinh học lực tốt có xu hướng đánh giá nhu cầu “rất cần” và “cấp thiết” cao hơn (23,7% và 17,6%,  $p = 0,0005$ ), gợi ý rằng học lực có thể ảnh hưởng hành vi học tập kỹ năng mềm nói chung và sơ cấp cứu nói riêng của học sinh. Chỉ 39,29% học sinh từng tham gia các lớp đào tạo sơ cấp cứu và 14,94% từng tham gia vào các tình huống sơ cấp cứu thực tế. Những học sinh từng tham gia lớp kỹ năng mềm, chứng kiến hoặc trực tiếp thực hiện sơ cấp cứu có tỷ lệ đánh giá nhu cầu “rất cần” và “cấp thiết” cao hơn, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,01$ ). Đặc biệt, nhóm từng tham gia thực tế có tỷ lệ đánh giá nhu cầu cấp thiết cao nhất (24,6%,  $p = 0,005$ ). Tương đồng với nghiên cứu của tác giả Balanggoy (2024), cho thấy học sinh từng tiếp xúc với các tình huống khẩn cấp có nhu cầu cao hơn đối với đào tạo sơ cấp cứu, trong khi những học sinh chưa có kinh nghiệm thực tiễn thường không ý thức đầy đủ về tầm quan trọng của kỹ năng này (9). Tương tự, nghiên cứu của López-Gil và cộng sự (2025) chỉ ra rằng học sinh có hiểu biết tốt hơn về sơ cấp cứu thường có nhu cầu được thực hành nhiều hơn, trong khi những học sinh chưa từng tiếp xúc với sơ cấp cứu có xu hướng e dè và ít chủ động tham gia đào tạo (10). Điều này gợi ý việc tạo ra môi trường thực hành thường xuyên hơn có thể kích thích nhu cầu học tập của học sinh. Ngược lại, phân tích không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhu cầu đào tạo với các yếu tố hạnh kiểm hoặc việc từng tham gia các lớp đào tạo sơ cấp cứu ( $p > 0,05$ ), cho thấy các yếu tố này có thể không ảnh hưởng đáng kể đến nhu cầu hiện tại. Việc triển khai đào tạo sơ cấp cứu cho học sinh THPT là cần thiết, nhưng đòi hỏi có sự đầu tư về nguồn lực, thời gian và sự phối hợp liên ngành.

**Hạn chế trong nghiên cứu:** Nghiên cứu chỉ tập trung vào việc khảo sát nhu cầu đào tạo mà chưa đánh giá kỹ năng sơ cấp cứu hiện có của học sinh. Điều này hạn chế khả năng xác định khoảng cách giữa nhu cầu và năng lực thực tế của học sinh dẫn đến ảnh hưởng trong việc thiết kế chương trình phù hợp.

## KẾT LUẬN

Có 95,62% học sinh THPT có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu, trong đó, có 1602 học sinh (80,58%) muốn đào tạo cả lý thuyết và thực hành. Ba nội dung học sinh có nhu cầu đào tạo cao nhất là cấp cứu đột quỵ (54,78%), ngưng tim ngưng thở (44,72%) và đuối nước (33,2%). Phương pháp đào tạo được lựa chọn nhiều nhất là tổ chức diễn tập ngoại khóa (62,17%), đưa vào chương trình học chính khóa (24,90%), với tần suất đào tạo được lựa chọn nhiều nhất là mỗi 6 tháng (68,26%). Qua đó có thể nhận thấy học sinh THPT trên địa bàn TP.HCM có nhu cầu được đào tạo sơ cấp cứu rất cao, tuy nhiên số lượng học sinh đã tham gia các lớp học sơ cấp cứu còn thấp. Để đáp ứng nhu cầu đó, cần tăng cường đào tạo thông qua việc lồng ghép vào chương trình học chính khóa hoặc ngoại khóa, song song với đánh giá định kỳ để tăng hiệu quả ứng phó thực tế.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ kinh phí bởi Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 319/2024 /HĐ-ĐHYD, ngày 27 tháng 08 năm 2024.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cross IFoR, Societies RC. International first aid and resuscitation guidelines 2016. IFRC Geneva; 2016.
2. Yeow MWX, Ng JYX, Nguyen VH, et al. Knowledge and attitudes of Vietnamese high school students towards cardiopulmonary resuscitation: Results from a pilot student-led cross-country bystander training workshop. *Proceedings of Singapore Healthcare*. 2021;30(4):302-308.
3. THỰC TRẠNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH TRẺ EM - Tin nổi bật - Công thông tin Bộ Y tế. Updated 12/07/2017. Accessed 08/07/2024, 2024. [https://moh.gov.vn/web/phong-chong-tai-nan-thuong-tich/tin-noi-bat/-/asset\\_publisher/iinMRn208ZoI/content/thuc-trang-tai-nan-thuong-tich-tre-em](https://moh.gov.vn/web/phong-chong-tai-nan-thuong-tich/tin-noi-bat/-/asset_publisher/iinMRn208ZoI/content/thuc-trang-tai-nan-thuong-tich-tre-em) files/64/thuc-trang-tai-nan-thuong-tich-tre-em.html
4. Mai HT, Vu HM, Ngo TT, et al. The Status of First Aid and Its Associations with Health

- Outcomes among Patients with Traffic Accidents in Urban Areas of Vietnam. *Int J Environ Res Public Health*. Jun 26 2020;17(12) doi:10.3390/ijerph17124600
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. THÔNG TƯ BAN HÀNH QUY CHẾ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON (2022).
  6. Alahakoon P, Perera P, Wijesundara C, Bandaranayaka K. Knowledge and Attitudes on First Aid among Advanced Level Students in Gampaha Educational Zone, Sri Lanka. 05/18 2022;doi:10.26502/aimr.0099
  7. Thư PA, Quỳnh NN, Lê An P. KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO SƠ CẤP CỨU CỦA SINH VIÊN KHOA Y ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM NĂM HỌC 2020-2021. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023;531(2)doi:10.51298/vmj.v531i2.7203
  8. Sharma S, Mahotra A, Thapa TR, et al. Factors influencing utilization of school health nurse program among secondary students of Lalitpur, Nepal: a mixed-method study. *BMC Public Health*. Feb 25 2025;25(1):771. doi:10.1186/s12889-025-21972-5
  9. K. Balanggoy H. Implementation of Disaster Risk Reduction and Management. *International Journal of Disaster Risk Management*. 12/25 2024;6(2):119-132. doi:10.18485/ijdrm.2024.6.2.8
  10. Quiroz-Cardenas F, Lopez-Gil JF. The role of School-Based Health Centers in adolescent well-being: a call for action. *Front Public Health*. 2025;13:1557124. doi:10.3389/fpubh.2025.1557124

## The study of needs for first aid training of High school students in Ho Chi Minh city in 2024 – 2025

Nguyen Phu Nhat<sup>1</sup>, Thach Dang Minh Uyen<sup>1</sup>, Nguyen Dong Phuong Nhu<sup>1</sup>, Nguyen Anh Thuy Duong<sup>1</sup>, Le Duy Anh<sup>1</sup>, Tran Quang Huy<sup>1</sup>, Trieu Hoang Kim Ngan<sup>2</sup>, Hoang Ngoc Anh<sup>3</sup>, Huynh Quang Dai<sup>1,2</sup>, Nguyen Ngoc Tu<sup>1,2</sup>

<sup>1</sup>University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City

<sup>2</sup>Cho Ray Hospital

<sup>3</sup>Hanoi University of Public Health

### ABSTRACT

**Objective:** To investigate the first aid training needs and characteristics of high school students in Ho Chi Minh City during 2024–2025 **Methods:** A cross-sectional study used a stratified random sampling method and collected data via a self-administered questionnaire among 2112 students from grade 10 to grade 12 in 2024–2025 of 21 randomly selected high schools in Ho Chi Minh City. Data were collected using a paper-based survey, including demographic information and variables regarding first aid training needs. **Results:** Among 1988 participating students, 95.62% expressed a need for first aid training. The three most highly prioritized topics were stroke management (54.78%), cardiopulmonary resuscitation (44.72%), and drowning response (33.20%). A total of 68.26% of students preferred to receive training every six months. The demand for first aid training was significantly associated with academic performance, prior participation in soft skills training, and previous experience either witnessing or engaging in real-life first aid situations ( $p < 0.05$ ). No significant association was found with conduct ratings or previous attendance in formal first aid classes ( $p > 0.05$ ). **Conclusions:** There is a significantly high demand for first aid training among high school students in Ho Chi Minh City. This provides a foundation for the proposal, development, and implementation of well-tailored first aid training programs.

**Keywords:** Training needs, first aid, high school students.